

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐỐI CHIẾU NGỮ NGHĨA CỦA MỘT SỐ THÀNH NGỮ SO SÁNH TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT, ỨNG DỤNG TRONG DẠY - HỌC NGOẠI NGỮ NGUYỄN THANH BÌNH* - PHẠM KHÁNH LINH**

TÓM TẮT: Thành ngữ không chỉ đơn giản là một đơn vị ngôn ngữ quan trọng mà còn mang những đặc trưng văn hóa và môi trường sống của cộng đồng, nên để hiểu và vận dụng đúng thành ngữ, cần nắm được các yếu tố ngữ nghĩa liên quan đến văn hóa của đất nước đó.

Bài viết trình bày nghiên cứu về nét tương đồng và khác biệt về phương diện ngữ nghĩa của một số thành ngữ so sánh tiếng Anh và tiếng Việt thông qua phương pháp liệt kê, so sánh đối chiếu và tổng hợp các dữ liệu. Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu về các thành ngữ này, người học ngoại ngữ phần nào nắm được một số đặc điểm khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa giữa hai nước Anh - Việt, để hỗ trợ việc học tiếng Anh và vận dụng đúng các thành ngữ này trong giao tiếp.

TỪ KHÓA: thành ngữ so sánh; so sánh; đối chiếu; phương diện ngữ nghĩa; vận dụng.

NHẬN BÀI: 13/02/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 02/08/2024

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ không chỉ là đơn vị ngôn ngữ mà còn là trầm tích văn hóa chứa đựng nhiều hàm ý, đặc trưng văn hóa dân tộc được sử dụng nhiều trong giao tiếp, là một bộ phận trong giao tiếp hàng ngày của con người. Nói cách khác, thành ngữ có thể được coi là tinh hoa của ngôn ngữ được đúc kết qua nhiều thế hệ, phản ánh những đặc trưng văn hóa của dân tộc. Vì vậy, có thể nói thành ngữ là một đơn vị quan trọng thể hiện khả năng vận dụng ngôn ngữ của người học. Nó mang những đặc trưng văn hóa và môi trường sống của cộng đồng, nên để vận dụng đúng thành ngữ, cần nắm được các yếu tố ngữ nghĩa liên quan đến văn hóa của đất nước đó.

Việc nghiên cứu thành ngữ có thể góp phần khám phá những đặc trưng ngôn ngữ của đơn vị này và cũng góp phần làm sáng tỏ nhiều nét văn hóa tiêu biểu của dân tộc đó.

Cũng giống như từ, thành ngữ thuộc lớp đơn vị mở trong thực tế sử dụng. Theo Clyne (1994), thành ngữ so sánh xuất hiện khá thường xuyên trong lĩnh vực báo chí, văn học, dịch thuật và trong giao tiếp hàng ngày ở cả tiếng Anh và tiếng Việt (tr.29). Tuy nhiên, cho đến nay chưa có nhiều nghiên cứu về thành ngữ so sánh tiếng Anh và cách chuyển dịch tương đương trong tiếng Việt. Trong khi phép ẩn dụ, hoán dụ được nghiên cứu nhiều không chỉ ở ngành văn học, ngôn ngữ học mà còn được nghiên cứu khá kỹ ở ngành khoa học tâm lý, triết học v.v. thì trong lĩnh vực so sánh, phép so sánh và các thành ngữ so sánh lại ít được quan tâm. Trong lĩnh vực dịch thuật, theo Pierini (2004) cũng có khá nhiều nghiên cứu về ẩn dụ, hoán dụ, còn nghệ thuật dịch so sánh và các thành ngữ so sánh dù được sử dụng khá nhiều nhưng lại chưa được chú ý nhiều từ các học giả (tr.136).

Như vậy, nghiên cứu so sánh và đối chiếu về thành ngữ so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt về phương diện ngữ nghĩa, các bình diện cấu trúc, ngữ dụng và hình thái là mục đích tác giả bài báo hướng đến. Thông qua việc thống kê, so sánh, phân loại và phân tích các yếu tố văn hóa trong các thành ngữ để người học tiếng Anh nâng cao tầm hiểu biết về văn hóa đất nước con người đồng thời giúp người dạy và học hiểu hơn về ý nghĩa, giá trị của các thành ngữ và tìm được sự thú vị cũng như đạt được hiệu quả cao trong việc dạy và học biện pháp tu từ này, hỗ trợ việc học tiếng Anh và vận dụng đúng các thành ngữ này trong giao tiếp.

2. Khái quát về thành ngữ và phép tu từ so sánh

2.1. Định nghĩa về thành ngữ

Có nhiều định nghĩa khác nhau về thành ngữ và thành ngữ so sánh.

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, năm 2003, do tác giả Hoàng Phê làm chủ biên,

*Trường Đại học Mở Hà Nội: binhhou@hou.edu.vn

**Học viên cao học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: linhpk27112001@gmail.com

thành ngữ được định nghĩa là “*một tập hợp từ cố định đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo trong nó*” (tr.915). Ví dụ, “ba chìm bảy nổi” là một thành ngữ chỉ cảnh ngộ của một người lúc lên lúc xuống, phiêu giạt, long đong vất vả nhiều phen. Tuy nhiên, để hiểu đúng được thành ngữ này, ta không dựa vào ý nghĩa riêng của từng từ tạo thành cụm đó mà phải xét nó với tư cách là một cụm. Do đó, có thể xem thành ngữ là những cụm cố định, có chức năng nêu tên sự vật và phản ánh khái niệm, hiện tượng một cách gợi tả và bóng bẩy.

Tương tự như vậy, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Tu, trong cuốn “*Từ vựng học tiếng Việt hiện đại*” năm 1986, cũng nhận định, thành ngữ là “*cụm từ cố định mà các từ trong đó đã mất tính độc lập đến một trình độ cao về nghĩa kết hợp thành một khối hoàn chỉnh vững chắc*,” đồng thời cũng khẳng định: “*Nghĩa của chúng không phải do nghĩa của những thành tố (từ) tạo ra*” (tr.185).

Cùng chung quan điểm với nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Tu, năm 1996, tác giả Nguyễn Như Ý, cho rằng: “*thành ngữ là cụm từ hay ngữ cố định có tính nguyên khối về nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác với tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó*” (tr.271).

Trong “*Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*”, Mai Ngọc Chừ (2008) nêu rõ: “*Thành ngữ là một loại tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái, cấu trúc, hoàn chỉnh bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp thường ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ*” (tr.157-161). Ví dụ: dừ như cọp, lẩn như chạch v.v. Vì thế biết hết nghĩa của các từ riêng rẽ trong cụm từ đó cũng không giúp ta hiểu nghĩa của cả cụm từ đó.

Còn theo Từ điển Oxford, thành ngữ là tập hợp từ cố định hoặc câu đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo trong nó. (*Idioms are phrases and sentences that do not mean exactly what they say. Even if you know the meaning of every word in the see or hear, you may not understand the idiom because you don't understand the culture behind it. An idiom is a combination of words that has a figurative meaning, due to its common usage. There are estimated to be at least 25,000 idiomatic expressions in the English language*). Thành ngữ được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ. Số lượng thành ngữ trong tiếng Việt rơi vào khoảng gần 6 nghìn thành ngữ.

Ở một vài khía cạnh, thành ngữ tiếng Anh cũng có những điểm tương đồng với thành ngữ tiếng Việt về phương diện kết cấu, nghĩa là chúng đều là những tổ hợp từ cố định, và bên cạnh ngữ nghĩa do sự kết hợp của các từ tạo nên thành ngữ, thì còn có nghĩa ẩn dụ, là nghĩa hình tượng cao.

2.2. Phép tu từ so sánh

Trong ngôn ngữ học, so sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Do đó, phép tu từ so sánh là một cụm từ hay một câu nói lên sự giống nhau của hai chủ thể tương đồng về một hay nhiều điểm nào đó và phép so sánh là một cấu trúc gồm ba phần: đối tượng so sánh, từ so sánh và từ chỉ phương diện so sánh. Thành ngữ tiếng Anh dùng các cấu trúc so sánh như “as.... as” hoặc “like”, the same. Còn trong tiếng Việt, thành ngữ so sánh dùng theo cấu trúc “A như B”, trong đó A là đối tượng so sánh, B đối chứng so sánh, “như” là từ biểu thị quan hệ so sánh. Các từ chỉ dấu hiệu so sánh phổ biến trong tiếng Việt bao gồm: như, giống, giống như, tựa, tựa như, bằng, là hay dấu gạch ngang v.v. Cũng theo từ điển, chức năng của so sánh không chỉ gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động mà còn giúp biểu hiện tư tưởng tình cảm sâu sắc.

Ví dụ: *as beautiful as a picture* - đẹp như tranh

Theo Fromil Hague, phép so sánh có tác dụng:

- góp phần làm việc diễn đạt ý muốn nói trong giao tiếp chính xác và hiệu quả hơn

- đóng vai trò như một công cụ tri nhận thế giới theo một cách mới thông qua sự so sánh giữa hai chủ thể và chia ra nhiều cách *phân loại* [1995, tr.18-98]. Một trong những loại mà tác giả bài báo tìm hiểu là thành ngữ so sánh. Việc hiểu, dịch và áp dụng các thành ngữ so sánh trong giao tiếp không hề đơn giản bởi khi dịch hay sử dụng, chúng ta phải chú ý các khía cạnh cấu trúc, thể loại văn, tác dụng của phép so sánh, đặc biệt là thành ngữ so sánh đó có thành ngữ tương đương trong tiếng mẹ đẻ không.

Bài viết này đề cập đến một số thành ngữ so sánh có thành tố chỉ sự vật: con người (bao gồm cả từ chỉ bộ phận cơ thể), con vật, đồ vật, cây cối và các hiện tượng tự nhiên, khái niệm trong tiếng Anh và so sánh đối chiếu với tiếng Việt về phương diện ngữ nghĩa, qua đó nhằm tìm hiểu về đặc trưng văn hóa hỗ trợ việc học tiếng Anh và vận dụng đúng các thành ngữ này trong giao tiếp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong khuôn khổ bài viết này, nghiên cứu được thực hiện dựa trên hình thức thống kê, miêu tả phân tích, phân tích nghĩa biểu trưng của những thành tố này. Đối tượng nghiên cứu là các thành ngữ so sánh có thành tố chỉ sự vật bao gồm con người, con vật, đồ vật, cây cối và các hiện tượng tự nhiên, khái niệm trong tiếng Anh và cách dịch tương đương trong Tiếng Việt.

Các thành ngữ so sánh này được thu thập dựa trên một số cuốn từ điển thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, như “Từ điển thành ngữ Việt Nam” của Viện Ngôn ngữ học, cuốn “Từ điển thành ngữ tiếng Việt phổ thông” của tác giả Nguyễn Như Ý (2002). “Từ điển thành ngữ & tục ngữ Việt Nam” của Giáo sư Nguyễn Lân (2010). Oxford Learners’ Dictionary of English Idioms của H. Warren (1994), McGraw-Hill’s American Idioms Dictionary (2007).

Cuối cùng, phương pháp so sánh đối chiếu được sử dụng tìm ra những nét tương đồng và khác biệt của hai nhóm thành ngữ về khía cạnh ngữ nghĩa cũng như nét đặc sắc văn hóa của hai dân tộc Việt - Anh trong cách sử dụng thành ngữ.

4. Nét tương đồng và khác biệt về phương diện ngữ nghĩa của một số thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt

Bài viết khảo sát đặc điểm ngữ nghĩa các thành ngữ so sánh chứa thành tố chỉ sự vật trong tiếng Anh có liên hệ với tiếng Việt và cách dịch tương đương trong tiếng Việt. Các thủ pháp nghiên cứu được sử dụng như thống kê, miêu tả, phân tích, so sánh đối chiếu trên ngữ liệu thu thập từ từ điển và trong các nghiên cứu, tài liệu, sau đó tiến hành phân tích, đối chiếu các đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ so sánh trong tiếng Anh có liên hệ với các thành ngữ so sánh trong tiếng Việt. Qua đó, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt về phương diện ngữ nghĩa của một số thành ngữ so sánh tiếng Anh và tiếng Việt, hiểu thêm về đặc trưng văn hóa dân tộc qua quan niệm, cách nhìn của mỗi cộng đồng những người dân trong mỗi quốc gia. Khảo sát đã chỉ ra điểm tương đồng lớn giữa hai nhóm thành ngữ dùng biện pháp tu từ so sánh. Cụ thể là:

4.1. Về cấu trúc

Cấu trúc của thành ngữ so sánh trong tiếng Anh:

as + adjective + as + noun/noun phrase;

like + noun/noun phrase.

Danh từ, cụm danh từ ở đây có thể là con người, con vật, đồ vật, cây cối và các hiện tượng tự nhiên, khái niệm.

Cấu trúc trong tiếng Việt là: *A như B*

tính từ + như + danh từ/cụm danh từ

Trong đó A và B là đối tượng so sánh.

Ví dụ: *As slow as a turtle* - chậm như rùa

Tuy nhiên có những nét khác biệt mang đặc trưng văn hóa riêng của mỗi quốc gia mà xuất hiện trong nhóm thành ngữ tiếng Việt nhưng không hề có trong tiếng Anh, hoặc rất xa lạ với văn hóa phương Tây. Ví dụ: trong tiếng Việt, một số thành ngữ chỉ các món ăn dân dã của người dân cũng được đưa vào so sánh trong các thành ngữ “*nát như tương*”, “*rầu như dưa*” hay như thành ngữ so sánh mang yếu tố xã hội như “*buồn như mắt sỏ gạo*”. Để hiểu được thành ngữ này, chúng ta cần nắm rõ nét văn hóa xã hội Việt Nam trong thời kì bao cấp. Trong thời kì đó, gạo là thành phần quan trọng nhất trong cuộc sống hàng ngày của họ, mang lại sự an no, “sỏ gạo” vốn là một vật quý giá gắn liền với đời sống, hoàn cảnh của người Việt Nam. Ở phương Tây không hề có khái niệm này và vì thế không có những cách dùng đặc trưng này.

Bên cạnh đó, theo Clyne (1994), các thành ngữ so sánh thường bị ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa. Việc khó hiểu hay hiểu sai các thành ngữ xuất phát chủ yếu từ việc chưa hiểu hết các giá trị văn hoá cốt

lỗi của từng dân tộc (tr.25). Ví dụ: Một số thành ngữ so sánh mang từ ngữ chỉ động thực vật và thiên nhiên vùng khí hậu nhiệt đới Việt Nam: *rầu rĩ như khi chết con*, *tiu nghỉu như chó cụp đuôi*, *khóc như mưa như gió*, v.v. trong đó các thành ngữ tiếng Việt có ẩn dụ loài chó thường được dùng với nghĩa tiêu cực mà trái với hình ảnh chó trong phương Tây là vật cưng.

4.2. Về ngữ nghĩa

Thành ngữ được phân loại theo chủ đề chủ yếu sau:

Bảng 1. Thành ngữ có từ chỉ người (bao gồm từ chỉ bộ phận cơ thể)

Tiếng Anh	Tiếng Việt
- As fast as your legs can carry you (nhANH như chân có thể mang bạn đi)	- (Chạy) nhanh như vắt chân lên cổ
- As long as your arm (dài như cánh tay)	- Tay dài như tay vượn
- Blood is thicker than water	- Một giọt máu đào hơn ao nước lã
- As plain as the nose on one's face (rõ như mũi trên mặt)	- Rõ như ban ngày
- As happy as a sandboy (vui sướng như là chú bé được đắp bằng cát)	- Vui như mở cờ trong bụng
- As true as I'm standing here (chắc như tôi đang đứng ở đây)	- Chắc như đinh đóng cột
- As sober as a judge (đúng mực như một vị quan tòa)	- Cầm cân nảy mực
- As hungry as a hunter (đói như người đi săn)	- Đói cồn cao, đói run chân run tay
- As mad as a hatter (điên khùng như người bán nón)	- Nổi cơn thịnh nộ, nổi trận lôi đình
- As meek as Moses (nhu mì như Moses)	- Hiền như bụt
- Like teacher, like pupil	- Thầy nào, trò ấy
- Like mother, like daughter (mẹ nào, con ấy)	- Mẹ đỏ, con đào
- As happy as a king (sướng như vua)	- Sướng như ông hoàng

Có thể thấy, không chỉ đối tượng đem ra so sánh mà cả phương diện ngữ nghĩa của các thành ngữ so sánh của tiếng Anh và tiếng Việt đều có những nét tương đồng, dựa vào tính chất của vật được so sánh như chân thường gợi lên sự chuyển động, chạy nhảy “*as fast as your legs can carry you*” - (chạy) *nhANH như vắt chân lên cổ*. Còn mặt hay mũi thường được liên tưởng như phần hiện diện ở phía trước, dễ nhận thấy của bộ phận cơ thể người, *as plain as the nose on one's face*: (rõ như mũi trên mặt) - *rõ như ban ngày*.

Bảng 2. Thành ngữ có từ chỉ con vật

Tiếng Anh	Tiếng Việt
- As slow as a turtle/as slow as a snail	- Chậm như rùa/chậm như sên
- Run like a hare (chạy như thỏ)	- Nhanh như cắt
- Like a lamb	- Lành như cừu vậy
- As stubborn as a mule (bướng như con lừa vậy)	- Rất ương bướng
- As happy as a clam	- Vui như ngao
- As timid as a rabbit	- Nhát như thỏ đế
- Fight like cats and dogs	- Ghét nhau như chó với mèo
- Eat like a bird	- Ăn rất ít
- Land like a cat	- Nhẹ như mèo
- Look like the cat that swallowed the canary	- Tỏ vẻ đắc thắng, như mèo bắt được chuột
- As poor as a church mouse (nghèo như một con chuột trong nhà thờ)	- Nghèo rớt mòng tơi
- As busy as a bee (bận như ong)	- Cực như trâu
- As cunning as a fox	- Khôn như cáo

- As sick as a dog	- Một đứt hơi
- As dead as dodo (chết như loài chim dodo đã tuyệt chủng)	- Ngoẻo củ tỏi, vô tác dụng
- As cross as a bear (cáu gắt như gấu)	- Gắt như mắt
- Be like a bear with a sore head (như con gấu có đầu bị đau)	- Cấn càu như chó cấn ma
- As wet as a drowned cat (ướt như mèo chết đuối)	- Ướt như chuột lột
- Like rabbits in a warren (như lũ thỏ ở đất cư trú của chúng)	- Đồng như kiến cỏ

Tương tự như vậy, đối tượng được so sánh trong các thành ngữ so sánh tiếng Anh đều có những nét khá giống với tính từ để gắn kết với chúng, dựa vào đặc tính của từng loại động vật, như sự chậm chạp của loài rùa, loài sên - *as slow as a turtle/as slow as a snail*, sự khôn ranh của loài cáo - *as cunning as a fox* và siêng năng cần cù, vất vả của loài ong và biểu thị bằng những tính từ như busy (bận rộn) - *as busy as a bee*. Không những thế, để hiểu và dịch sát nghĩa một số thành ngữ so sánh trong tiếng Anh đòi hỏi người học hiểu rõ yếu tố văn hóa ẩn chứa trong thành ngữ. Ví dụ: *as poor as a church mouse* - nghèo như chuột trong nhà thờ phải được giải thích dựa trên nguồn gốc và văn hóa được ẩn chứa. Nhà thờ là nơi diễn ra các nghi lễ, là nơi cầu nguyện, không phải nơi dự trữ đồ ăn, không có đồ ăn thừa, chuột sống trong nhà thờ thì không kiếm được thức ăn gì.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy rất khó để tìm thành ngữ tương đương trong tiếng Việt dịch sát nghĩa những thành ngữ trên mà phải dùng thành ngữ của người Việt và những vật tiêu biểu của văn hóa Việt cũng xuất hiện trong các thành ngữ. Chẳng hạn, trong *when as poor as a church mouse* được hiểu là “nghèo như chuột trong nhà thờ” thì trong tiếng Việt, thành ngữ được dịch ra là: *nghèo rớt mồng tơi*. Trong đời sống của người Việt, “mồng tơi” là tên của một bộ phận trong chiếc áo tơi, một loại áo khoác hồ để tránh mưa được ghép từ nhiều lớp lá. Mồng tơi (mùng tơi) là phần trên của áo tơi dùng để che mưa nắng. Mồng tơi thường được kết dây bằng các dọc lá tốt nên khi tơi rách thì mồng tơi vẫn còn nguyên. Áo tơi mà rớt mồng tơi là rách nát hoàn toàn, không thể che mưa nắng được nữa. Người mà dùng loại áo tơi này hẳn là rất nghèo, có hoàn cảnh khó khăn vì mặc áo vá một mảnh thôi cũng đã thấy nghèo khó rồi, huống gì là rách đến tận mồng tơi.

Bảng 3. Thành ngữ có từ chỉ cây cối

Tiếng Anh	Tiếng Việt
- As cool as a cucumber (mát lạnh như quả dưa chuột vậy)	- Lạnh như tiền
- As keen as mustard (hết sức nhiệt tình, nồng như mù tạt vậy)	- Hết sức nhiệt tình
- As fresh as a daisy (tươi như hoa cúc)	- Tươi như hoa
- As nice as pie (Xinh như bánh táo)	- Xinh như hoa
- As like as two peas in the pod (giống như hai hạt đậu)	- Giống như hai giọt nước
- As red as beet/ beetroot (đỏ như củ cải đường)	- Mặt đỏ như gấc
- Tremble like an aspen leaf (run lên như một lá cây dương)	- Run như cây sậy
- As red as a rose	- Đỏ thắm như hoa hồng

Khi so sánh thành ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt ở trên ta thấy có sự tương đồng và khác biệt về nghĩa. Đối tượng so sánh trong thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt khác nhau do quan sát và dựa vào tính chất của vật được so sánh, chẳng hạn *as like as two peas in the pod*: giống như hai hạt đậu. Tuy nhiên thành ngữ so sánh này có nghĩa tiếng Việt tương đương là: *giống như hai giọt nước*.

Bảng 4. Thành ngữ có từ chỉ vật

Tiếng Anh	Tiếng Việt
- As safe as houses (rất an toàn, an toàn như ở nhà vậy)	- An toàn như ở nhà
- As different as chalk and cheese (khác nhau như phấn với)	- Hoàn toàn khác nhau

phô mai vậy) - As black as pitch (đen như hắc ín) - As light as a feather (rất nhẹ, nhẹ như một chiếc lông vũ) - As pure as the driven snow (tinh khiết như tuyết) - As clear as a bell (rành rọt, dễ nghe, rõ như chuông) - As plain/ clear as a day (rõ như ban ngày) - As tough as old boots (dai như ủng cũ) - As nutty as a fruitcake (hấp dẫn như một chiếc bánh trái cây) - As good as gold (tốt như vàng ròng vậy) - As bold as brass (trơ như đồng) - As easy as pie (dễ như bánh táo) - As smooth as silk (mềm/mịn như lụa) - As straight as an arrow (thẳng như cung tên) - As deaf as a post (điếc như cột) - As solid as rock - As regular as clockwork (chạy đều như kim đồng hồ) - Like hot cakes (như bánh nóng) - Like talking to a brick wall (như nói với cái tường gạch) - Be like looking for a needle in a haystack (như tìm một chiếc kim trong đồng cỏ khô) - As busy as a grand central station (tấp nập như nhà ga trung tâm) - As sharp as a razor (sắc như dao cạo) - As good as gold (tốt như vàng ròng vậy) - As clear as crystal (trong suốt như pha lê)	- Đen như mực - Nhẹ tênh, nhẹ tựa lông hồng - Trắng như tuyết - Rõ như chuông kêu - Rõ như ban ngày - Dai như đĩa - Ngon như bánh trái cây - Quý như vàng - Trơ như đá - Dễ như trở bàn tay - Mượt như nhung - Thẳng như ruột ngựa - Điếc đặc - Cứng như đá - Đúng giờ như chiếc đồng hồ - Bán chạy như tôm tươi - Như nước đổ đầu vịt - Như mò kim đáy bể - Bận bịu, như nuôi con mọn - Thông minh sắc sảo - Ngoan ngoãn, có đạo đức, được giáo dục tốt - Trong như pha lê
---	--

Trong khi một số thành ngữ có từ chỉ vật ở trên cho thấy nét tương đồng về đối tượng so sánh trong thành ngữ so sánh tiếng Anh và tiếng Việt như *as solid as rock* - cứng như đá; *as smooth as silk* (mềm/mịn như lụa) - *mượt như nhung* v.v. thì cũng có khá nhiều thành ngữ thể hiện rõ sự khác biệt không chỉ về đối tượng so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt và cả về ngữ nghĩa. Ví dụ: *as clear as a bell*: rành rọt, dễ nghe, rõ như tiếng chuông, dù không khó hiểu với người Việt vì vang như tiếng chuông cũng khá quen thuộc và trong cuộc sống của người Anh, tiếng chuông có một ý nghĩa thiêng liêng. Nó thường được nghe vào mỗi sáng sớm và chiều tối từ các nhà thờ hay các thánh đường, lúc đám cưới hay các lễ hội và tiếng chuông thường vang to cho cả khu hoặc cả một vùng gắn liền với sự to rõ và trang nghiêm nhưng khi được chuyển dịch sang tiếng Việt *as clear as a bell* lại trở thành *rõ như ban ngày* hay *as easy as pie* - dễ như trở bàn tay, có thể gây chút khó khăn vì những thành ngữ này gắn liền với đời sống văn hoá Mỹ. Bánh táo (apple pie) là một món ăn quen thuộc của người Mỹ, người dân nào ở Mỹ cũng biết làm món bánh này nên bánh trở nên quen thuộc *để làm* (easy).

Bảng 5. Thành ngữ có từ chỉ hiện tượng tự nhiên, khái niệm hoặc tên riêng

Tiếng Anh	Tiếng Việt
- A miss is as good as a mile - As old as the hills (xưa như ngọn đồi) - As pleased as Punch (vui thích như con rối Punch) - As rich as Rockefeller (giàu như Rockefeller) - Spend money like water (tiêu tiền như nước) - Stand as if rooted to the ground (đứng như mọc rễ xuống)	- Sai một ly, đi một dặm - Xưa như trái đất - Vui như Tết, vui như hội - Giàu nứt đố đổ vách - Tiêu tiền như nước - Đứng như trời chồng

đất) - Like by magic - As dead as Julius Caesar (chết như Julius Caesar) - As thick as hailstone (dày đặc như mưa đá) - As quick as a flash/lightning/Like a streak of light (như một vệt chớp) - Like bolt out of clear sky (như tiếng sét từ bầu trời quang mây) - As white as a ghost (trắng như ma) - As clear as that two and two make four (rõ như hai với hai bằng bốn) - As bright as daylight (sáng tỏ như ban ngày) - Return like for like (nhận gì trả ấy) - Take the world as it is (tiếp nhận thế giới như là nó vốn dĩ vẫn vậy) - As easy as ABC (dễ như ABC) - As good as new - As black as midnight (tối như nửa đêm)	- Như có phép màu - Chết thẳng cẳng, chết queo - Quá sung túc, thừa mứa - Nhanh như chớp - Bất thần như sét đánh ngang tai - Mặt trắng bệch, mặt cắt không còn giọt máu - Rõ như ban ngày - Sáng tỏ như ban ngày - Lấy oán báo oán, lấy ơn báo ơn - Gió chiều nào che chiều ấy - Dễ như bỡn, dễ ợt - Tốt như mới - Tối như đêm 30
--	---

Đối tượng được so sánh trong các thành ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên, chỉ các khái niệm hay tên riêng trong tiếng Anh và tiếng Việt cũng có nhiều nét giống nhau như: *As quick as a flash/lightning/Like a streak of light* - Như một vệt chớp hay *As bright as daylight* - Sáng tỏ như ban ngày, và có những đặc điểm giống với tính từ miêu tả chúng. Tuy nhiên, đối với các thành ngữ có tên riêng trong tiếng Anh thì không có thành ngữ tương đương trong tiếng Việt dịch sát nghĩa mà phải dùng thành ngữ của người Việt dựa trên những khái niệm, truyền thống, văn hóa của người Việt. Ví dụ: - *As pleased as Punch* (vui thích như con rối Punch) - *Vui như Tết, vui như hội*. Punch là nhân vật rối trong vở kịch Punch và Judy lúc nào cũng vui vẻ hài lòng ngay cả khi làm việc gì đó ác. Đối với tiếng Việt việc tìm thành ngữ tương đương cho những thành ngữ trên là không thể vì những nhân vật này không xuất hiện trong văn hoá Việt. Sự vui vẻ, hân hoan trong văn hoá Việt lại được miêu tả như Tết bởi Tết đối với dân Việt rất quan trọng, nó mang niềm vui của sự đoàn tụ, sum vầy, ăn uống vui chơi, đón chào năm mới.

5. Ứng dụng trong dạy-học tiếng Anh

5.1. Ý nghĩa của việc đối chiếu ngữ nghĩa một số thành ngữ so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt

Từ thống kê và phân tích trên chúng ta thấy, mỗi một ngôn ngữ nói chung và thành ngữ so sánh trong ngôn ngữ đó nói riêng đều có sự tương đồng cũng như khác biệt về ngữ nghĩa và cả trong liên hệ hình ảnh so sánh. Nói về sự khác biệt, có lẽ do mỗi dân tộc có những đặc trưng văn hóa dân tộc riêng, cũng như nền văn hóa, khí hậu, địa lí riêng nên họ có những liên tưởng về hình ảnh so sánh trong lời ăn tiếng nói riêng. Chính vì thế như ta thấy ở trên, thành ngữ *"like rabbits in a warren"* (như là lũ thỏ ở một khu đất cư trú của chúng), chỉ tìm thấy hình ảnh tương đồng trong thành ngữ so sánh tiếng Việt *"đồng như kiến cỏ"* hay *"nhung nhúc như rươi tháng chín"*.

Chúng ta cũng nhận thấy có thành ngữ có nghĩa tương đồng nhưng sử dụng đối tượng so sánh khác nhau. Hình ảnh *"dốt như bò"* trong thành ngữ so sánh tiếng Việt được tìm thấy tương đương với thành ngữ so sánh tiếng Anh *"as stupid as a goose/ a donkey"* (ngu như con ngỗng/ con lừa. Hay người Việt nói *"khỏe như vâm"*, *"khỏe như trâu"* thì ta tìm thấy hình ảnh so sánh *"as strong as an ox"* (*khỏe như bò*, ý nói: rất khỏe) trong thành ngữ so sánh tiếng Anh.

Việc tìm kiếm những thành ngữ tương đồng về nghĩa sẽ giúp ích rất nhiều cho việc dịch thuật, giúp người đọc hiểu rõ hơn về đời sống, nét văn hóa cũng như bản sắc dân tộc của cả hai nền văn hóa có ngôn ngữ đích và ngôn ngữ nguồn. Ngoài ra, việc tìm hiểu ý nghĩa, nguồn gốc và các giá trị văn hoá của thành ngữ trong tiếng Anh không những tạo sự hứng thú của người học mà còn mang nhiều ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy.

5.2. Thành ngữ tiếng Anh: phương pháp dạy-học và ứng dụng hiệu quả

Kiến thức về thành ngữ của người học tiếng Anh thường thấp hơn rất nhiều so với vốn từ tiếng Anh. Trong khi đó, khả năng sử dụng thành ngữ được đánh giá cao trong giao tiếp và là một kỹ năng quan trọng để ghi điểm trong tiêu chí nguồn từ vựng (Lexical Resource) đối với kỹ năng nói ở trình độ B2 và C1. Vậy làm thế nào để học thành ngữ được đơn giản hơn, giúp người học nhớ lâu hơn và áp dụng chúng trong giao tiếp hay vào phần thi nói được hiệu quả hơn?

Phần bên dưới sẽ giới thiệu một số phương pháp tự học thành ngữ tiếng Anh hiệu quả, khiến cho các thành ngữ trở nên quen thuộc hơn với người học tiếng Anh cũng như cách áp dụng các thành ngữ trong diễn đạt được tự nhiên và thành thạo hơn.

a) Đối với người dạy

- Lồng ghép các thành ngữ vào buổi học thông thường

Việc hiểu rõ một thành ngữ là khó nhưng việc giải thích được một thành ngữ cho người khác nắm rõ hay hướng dẫn cách đặt các thành ngữ vào ngữ cảnh cụ thể lại càng khó hơn. Vì vậy, trong một buổi dạy, giáo viên không nhất thiết phải tổ chức một chuyên đề riêng về thành ngữ mà hãy đan xen thành ngữ trong từng buổi học thông thường, chỉ nên giới thiệu từ bốn đến năm thành ngữ. Việc cung cấp một danh sách thành ngữ dễ tạo cảm giác nhàm chán, nặng nề vì người học sẽ không thể nhớ nổi hay thuần thục cách sử dụng hàng loạt thành ngữ cùng lúc.

- Dạy thành ngữ liên quan đến chủ đề học

Như đã đề cập ở trên, phương pháp hữu ích để dạy về thành ngữ là lồng ghép vào buổi học thông thường, nghĩa là giới thiệu thành ngữ liên quan đến chủ đề học, sau đó giải thích và hướng dẫn cách áp dụng, cách biểu đạt. Như vậy, người học sẽ dễ nhớ hơn và sẽ làm quen nhanh chóng hơn. Ví dụ: khi dạy về chủ đề “các con vật” (animals), giáo viên có thể giới thiệu thành ngữ có từ chỉ con vật như: "As poor as a church mouse" (nghèo như một con chuột trong nhà thờ) - Nghèo rớt mùng tơi, để người học thảo luận. Giáo viên cần lưu ý đến việc sinh viên phải hiểu rõ từng từ riêng lẻ trong thành ngữ, tránh việc giới thiệu những thành ngữ chứa toàn từ vựng mới và cố gắng đơn giản hoá ý nghĩa của chúng. Bên cạnh đó, người dạy có thể giới thiệu các nguồn tài liệu tăng cường giúp người học tự học các thành ngữ, mở rộng kiến thức. Dưới đây là một số lựa chọn để tìm kiếm:

- Tài nguyên bổ sung cho việc học các thành ngữ và cách biểu đạt

Từ điển thành ngữ: việc sở hữu một cuốn từ điển thành ngữ hoặc tải xuống một ứng dụng trên điện thoại thông minh sẽ cung cấp danh sách khá đầy đủ các thành ngữ và ý nghĩa của chúng, giúp người học mở rộng vốn thành ngữ, từ đó thúc đẩy việc chủ động học và ứng dụng các thành ngữ trong học tập và giao tiếp.

Nguồn tham khảo: Từ điển thành ngữ Việt Nam của tác giả Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang & Phan Xuân Thành (2003), Nxb Văn hóa; Oxford Learner's Dictionary of English Idioms của tác giả Warren, H. (1994), Oxford University Press; phần Idioms and phrasal verbs trong Destination B2, C1&C2 của Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles, Macmillan Publishers Limited 2008.

- Tài nguyên trực tuyến: tìm kiếm trên các trang web, blog và diễn đàn dành riêng cho việc dạy, học thành ngữ và cách biểu đạt. Những tài nguyên này cung cấp cả nghĩa đen và nghĩa bóng, giải thích, cho ví dụ cụ thể và các bài tập thực hành giúp mở rộng kiến thức và sử dụng thành ngữ.

Nguồn tham khảo: Web idiomatic.com; Webtheidioms.com.

Ứng dụng học thành ngữ: một ứng dụng học thành ngữ cung cấp các bài học tương tác về các thành ngữ. Những ứng dụng này thường cung cấp các bản ghi âm, bài kiểm tra và trò chơi để giúp người học tập luyện và củng cố kiến thức về ngôn ngữ.

Ví dụ: App Mochimochi; Duolingo.

- *Khuyến khích người học tận dụng thành ngữ tiếng Anh để truyền đạt ý nghĩa một cách hiệu quả*

Trong giao tiếp, tận dụng thành ngữ tiếng Anh để truyền đạt ý nghĩa một cách hiệu quả. Bằng cách kết hợp các cụm thành ngữ trong quá trình giao tiếp, người học không chỉ thể hiện nhận thức về văn hoá, gây ấn tượng với người đối thoại về khả năng ngôn ngữ mà còn diễn đạt mục đích, quan điểm và hàm ý của mình. Do vậy, giáo viên cần chỉ rõ để người học có thể hiểu biết về bối cảnh và ý nghĩa đằng sau những thành ngữ thường được sử dụng cho đến việc thực hành việc sử dụng chúng một cách tự nhiên và chính xác. Nói cách khác, việc kết hợp chúng vào lời nói, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của người học về tiếng Anh, đồng thời có thể tối đa hóa khả năng ngôn ngữ của mình và nâng cao hiệu suất đàm thoại.

b) Đối với người học

- *Học thành ngữ trong ngữ cảnh hoặc theo chủ đề*

Thực tế cho thấy, thành ngữ xuất hiện trong ngữ cảnh cụ thể hoặc học theo chủ đề thường được hiểu dễ dàng và chính xác hơn so với thành ngữ xuất hiện riêng lẻ. Người học học thành ngữ không chỉ theo ngữ cảnh cho sẵn trong bài, mà còn đặt thêm câu với thành ngữ theo nhiều ngữ cảnh khác nhau, dựa trên tình huống giả định hoặc cá nhân. Điều này giúp người học tương tác với ý nghĩa của thành ngữ một cách sâu sắc và biết cách ứng dụng thành ngữ trong nhiều tình huống khác nhau. Điều đó có nghĩa là người học có thể tưởng tượng những tình huống cụ thể, luyện nói về tình huống này, chủ ý đưa các thành ngữ vào để biểu đạt nội dung. Phương pháp này sẽ giúp người học hiểu rõ trong hoàn cảnh, trạng thái ra sao thì sử dụng thành ngữ nào, tránh được việc dùng không phù hợp với bối cảnh. Do đó, để học thành ngữ một cách hiệu quả và chính xác nhất, ngoài việc ghi nhớ ý nghĩa của từng thành ngữ người học nên học cả ngữ cảnh sử dụng thành ngữ đó.

- *Chủ động tự học thành ngữ và cách biểu đạt qua xem phim tiếng Anh và các chương trình truyền hình*

Trong quá trình học ngôn ngữ Anh, một trong những khó khăn của việc học thành ngữ là cơ hội tiếp xúc và sử dụng các thành ngữ trong tiếng Anh học thuật còn hạn chế. Xem phim tiếng Anh là một cách hiệu quả để người học tiếp xúc với thành ngữ và các cách diễn đạt ngôn ngữ theo cách tự nhiên nhất trong ngữ cảnh hàng ngày. Ngoài ra, những tình huống trong phim có thể giúp người học nhớ những thành ngữ này lâu hơn. Hãy chú ý đến cách người bản xứ sử dụng các thành ngữ trong các cuộc trò chuyện của họ để có thể hiểu thêm ý nghĩa của thành ngữ theo một cách tổng thể hơn, và phạm vi ngữ cảnh phù hợp để sử dụng thành ngữ này, sau đó cố gắng kết hợp chúng vào phần diễn đạt của chính mình. Người học cũng có thể sử dụng phụ đề để giúp hiểu bối cảnh và ý nghĩa của các thành ngữ. Đồng thời, cũng nên ghi chép lại thành ngữ và ngữ cảnh mà nó xuất hiện để ôn luyện, thực hành thêm.

- *Đa dạng phương pháp học thành ngữ*

Thành ngữ rất phức tạp và có cấu tạo đa dạng. Vì vậy, chúng ta không nên học quá nhiều thành ngữ cùng lúc. Để học thành ngữ hiệu quả, người học nên kết hợp nhiều phương pháp học và áp dụng những phương pháp đã được giới thiệu theo một cách linh hoạt, tùy theo tính chất của thành ngữ và phong cách học của bản thân. Bên cạnh xem phim tiếng Anh và các chương trình TV, việc tham gia vào các cuộc trò chuyện với những người nói tiếng Anh bản địa có thể giúp người học tiếng Anh tiếp xúc với các thành ngữ và cách biểu đạt một cách tự nhiên và xác thực. Ví dụ: người học tham gia các chương trình trao đổi ngôn ngữ hoặc tìm đối tác trò chuyện trực tuyến để thực hành sử dụng ngôn ngữ trong môi trường đối thoại. Điều này sẽ không chỉ giúp người học cải thiện sự trôi chảy của mình mà còn tăng cường sự hiểu biết về trạng thái biểu đạt và ngữ cảnh sử dụng.

- *Ứng dụng trong quá trình học và thi nói tiếng Anh*

Việc sử dụng thành ngữ có thể giúp phần tương tác, trao đổi của người học đầy màu sắc hơn, cho phép người nói truyền đạt những ý tưởng phức tạp một cách ngắn gọn. Đặc biệt trong bài kiểm tra kỹ năng nói ở trình độ cao như B2 hay C1, nơi người dự thi chỉ có thời gian giới hạn để thể hiện suy nghĩ của mình. Bằng cách sử dụng các cụm thành ngữ, người dự thi có thể truyền đạt ý tưởng một cách hiệu quả và thể hiện sự thông thạo ngôn ngữ của mình. Phản trả lời cũng trở nên hấp dẫn và đáng nhớ hơn, điều này có thể giúp thí sinh để lại một ấn tượng lâu dài với người chấm điểm. Điều quan trọng là phải

học và tập luyện dùng thành ngữ và các cách diễn đạt khác nhau. Người học ngôn ngữ Anh cần chủ động tìm kiếm các nguồn lực và dành thời gian thường xuyên để thực hành.

5.3. Một số lưu ý khi ứng dụng vào việc dạy-học tiếng Anh

Người học trong quá trình tìm hiểu các thành ngữ so sánh cần chú ý những yếu tố sau:

Một là, để người học thấy được nét tương đồng và khác biệt về cách so sánh, ví von, ý nghĩa, nguồn gốc cũng như các giá trị văn hóa ẩn chứa trong các thành ngữ, chúng ta cần khuyến khích việc dịch và tìm thành ngữ tương đương trong tiếng Việt được.

Hai là, đa số các thành ngữ so sánh trong tiếng Việt có hiện tượng chuyển nghĩa, hay nói rộng ra là các thành ngữ này mang hình ảnh đa nghĩa biểu trưng, tức là có nhiều nghĩa, nghĩa đen và nghĩa bóng, đôi khi ba, bốn nghĩa. Ví dụ, thành ngữ *Rối như mớ bông bong* mang những nghĩa biểu trưng: Sợi, dây xoắn vào nhau khó gỡ; Trông rối rắm, phức tạp không nhìn ra; Vấn đề, tình huống rối tung lên, khó giải quyết; Đầu óc, lòng dạ rối bời khó tìm cách giải quyết

Rất nhiều thành ngữ thuộc này được hiểu theo nghĩa chuyển. Ví dụ, trong thành ngữ *Đau như dao cắt*, nghĩa gốc gần như không tồn tại. Chúng ta thường hiểu và sử dụng hình ảnh dao cắt với nghĩa biểu trưng - đau đớn trong lòng tựa như bị dao cắt.

Ba là, vì một tính từ có thể đi với nhiều đối tượng so sánh khác nhau, mang nghĩa khác nhau và được dùng trong những tình huống khác nhau, người học cần quan tâm tới ngữ cảnh sử dụng.

Bốn là, với thành ngữ có điển tích hay nguồn gốc mang tên riêng thì chúng ta nên tìm hiểu về các điển tích và nguồn gốc của tên riêng ấy, đối chiếu với tiếng Việt, nhờ đó người học mới hiểu được các giá trị cốt lõi của các thành ngữ, chuyển dịch và vận dụng phù hợp trong giao tiếp.

6. Kết luận

Thành ngữ là một đơn vị ngôn ngữ quan trọng có tính hình tượng cao, chứa đựng trong nó các giá trị ước lệ gắn với đời sống văn hóa của một dân tộc. Vì vậy để hiểu được thành ngữ là một điều không đơn giản với không chỉ người nước ngoài mà còn cả với những người bản ngữ.

Việc phân tích các thành ngữ so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt đã cho chúng ta thấy rõ đặc trưng văn hóa dân tộc được thể hiện qua những mối quan hệ của con người với nhau, hay của con người với vạn vật xung quanh. Trong khuôn khổ bài viết này, người viết khảo sát để tìm ra sự tương đồng cũng như khác biệt về ngữ nghĩa của các thành ngữ so sánh có chứa thành tố chỉ sự vật và các hiện tượng thiên nhiên. Sự tương đồng dựa trên các quy tắc chung, cũng như quá trình trao đổi văn hóa giữa các dân tộc với nhau. Sự khác biệt về văn hóa, điều kiện địa lý cũng như quan niệm của con người về sự vật, hiện tượng đã để lại những khác biệt. Chính điều này cũng là một trong những rào cản khó khăn đối với người dịch cũng như việc vận dụng các thành ngữ này. Do vậy, việc học ngoại ngữ sẽ hiệu quả và dễ dàng hơn khi chúng ta hiểu rõ các đặc trưng văn hóa của dân tộc đó, cũng như việc tìm hiểu ngôn ngữ của một dân tộc sẽ đưa ta đến gần hơn với đời sống văn hóa của dân tộc đó.

Nét đặc trưng ngữ nghĩa của thành ngữ là có tính biểu trưng, hình tượng, gợi hình và biểu cảm. Vì thế, thành ngữ không chỉ có tác dụng làm cho lời văn hay, hình tượng đẹp mà còn có tác dụng diễn tả ý tưởng một cách cụ thể và sâu sắc. Thành ngữ nói chung và thành ngữ so sánh nói riêng mang nhiều nét tiêu biểu cho cái tinh hoa, bản sắc của dân tộc. Việc phân loại và tìm hiểu các thành ngữ của tiếng Anh đối chiếu với tiếng Việt cho thấy những điểm chung và khác biệt khá rõ rệt giữa hai nền văn hoá. Lối so sánh, ví von cho thấy quan sát nhạy bén cũng như văn hoá của hai dân tộc mà người học tiếng Anh và tiếng Việt nên tìm hiểu để không những thông thạo về nghĩa mà còn ngữ cảnh sử dụng, cách dịch thuật và biết thêm về đất nước, con người cũng như những cái hay toát lên từ các giá trị văn hoá cũng như góp phần làm tăng hiệu quả diễn đạt trong giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu & Hoàng Trọng Phiến (2008), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Nxb Giáo dục, tr.157-161.
2. Phạm Văn Bình (1996), *Tục ngữ thành ngữ tiếng Anh*. Nxb Hải Phòng.

3. Nguyễn Văn Chiến (2004), *Tiến tới xác lập vốn từ vựng văn hóa Việt*. Nxb Khoa học xã hội.
4. Nguyễn Lâm (2010). *Từ điển thành ngữ & tục ngữ Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Văn học.
5. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Từ vựng học tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Lực & Nguyễn Văn Đang (1993), *Thành ngữ tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Trùng Khánh (2001), *How to use American English Idioms - Cách dùng thành ngữ Anh Mỹ thông dụng hiện đại*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Bá Kim (1999), *Oxford Pocket English Idioms-Cẩm nang thành ngữ tiếng Anh trong dịch thuật*, Nxb. Hà Nội.
9. Hoàng Tuyết Minh (2014), “Nét văn hóa dân tộc trong thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng (đối chiếu với Tiếng Việt)”. Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 9.
10. Hoàng Phê (chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*. Viện Ngôn ngữ học. Tái bản lần thứ 9. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng, tr.915.
11. Bùi Phùng (2003), *Thành ngữ Anh-Việt, Idioms*. Nxb Thông tin.
12. Nguyễn Văn Tu (1986), *Từ vựng học tiếng Việt hiện đại*. Hà nội: Nxb Giáo dục, tr.185.
13. Nguyễn Như Ý (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
14. Nguyễn Như Ý (2002), *Thành ngữ tiếng Việt phổ thông*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang & Phan Xuân Thành (2003), *Từ điển thành ngữ Việt Nam*. Viện Ngôn ngữ học. Hà Nội: Nxb Văn hóa.

Tiếng Anh

16. Clyne, M. (1994), *Cultural values in discourse*. Cambridge: CUP.
17. Cowie A.P, Mackin R., Mc Caig I R. (1999), *Oxford dictionary of English Idiom của Seidl J., McMordie W (2004), English Idiom*. CUP.
18. Fromilhague, C. (1995), *Les figures de style*. Paris: Nathan, p.16.
19. Makkai, A. (2003), *A dictionary of American idioms*. USA: The Barron's.
20. Oxford (1992), *Oxford advanced learner's encyclopedic dictionary*. Oxford University press.
21. Spears, R. (2007), *McGraw- Hill's American Idioms Dictionary*. New York: McGraw- Hill.
22. Warren, H. (1994), *Oxford Learner's Dictionary of English Idioms*. Oxford University Press
- Longman dictionary of English idioms*. (1980). London: Longman.

Contrasting the semantics of some comparative idioms in English and Vietnamese, applying in teaching and learning foreign languages

Abstract: Idioms are not only an important language unit but also carry community's cultural features and lifestyles. In order to apply idioms in suitable contexts, we need to acquire their semantic characteristics relating to culture.

This article presents the study about similarities and differences in semantic characteristics of comparative idioms in English and Vietnamese by using *methods* such as statistical analysis, and then comparing and contrasting. Through this research, the learners of English understand better some differences relating to language and culture between the United Kingdom and Vietnam, since then support the learning of English and applying those idioms in communication

Key words: comparative idioms; comparing; contrasting; semantic characteristics; applying.